

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số; 79 /2019/DSST

Ngày: 05/12/2019

V/V: Tranh chấp HĐ vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
độc lập - tự do - hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA TỈNH BẮC GIANG**

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hà Văn Vinh.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Xuân Trường
Ông Nguyễn Xuân Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoan – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa;

Bà Dương Thị Thúy Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 12 năm 2019. Tại trụ sở toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐST-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Ngô Cảnh Ph sinh năm 1940- có mặt

Địa chỉ: thôn V X, xã H V, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1967 vắng mặt

Địa chỉ: thôn V X, xã H V, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị B, sinh 1955 ủy quyền cho Ông Ngô Cảnh Ph vắng mặt

Địa chỉ: thôn V X, xã H V, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Bà Chu Thị L sinh năm 1967 vắng mặt

Địa chỉ: thôn V X, xã H V, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ, bản tự khai và các lời khai tại Toà án, cũng như trước phiên tòa công khai sơ thẩm hôm nay ông Ph trình bày: Ông và anh B là quan hệ hàng xóm và vợ anh B họ hàng bên ngoại nên ngày 24/02/2017 anh B có vay ông 210.000.000đ khi vay anh B nói là vay về để cho con trai là B đi lao động ở Nhật Bản cho nên ông đã đồng ý cho anh B vay 210.000.000đ. Hai bên thỏa thuận lãi xuất là 2%/ tháng thời hạn vay không nói cụ thể mà chỉ nói khi nào cần báo trước một tháng thì trả cả gốc và lãi. Khi ông yêu cầu trả anh B không trả cho nên ông đã nhiều lần sang đòi vì vậy ngày 02/8/2019 chị L vợ anh B trả cho ông được 50.000.000đ tiền gốc còn nợ 160.000.000đ. Nay ông yêu cầu anh B trả ông gốc 160.000.000đ và lãi 2%/tháng kể từ ngày 24/02/2017 cho đến nay là 94.500.000đ. Tại phiên tòa ông yêu cầu anh B trả gốc 160.000.000đ và lãi từ ngày 24/02/2017 cho đến nay là 100.000.000đ.

Bị đơn anh B vắng mặt tại phiên tòa , bản tự khai, lời khai tại tòa án anh trình bày ; Anh có vay của ông Ph, bà B 210.000.000đ để làm ăn phát triển kinh tế gia đình hai bên thỏa thuận lãi xuất là 2%/ tháng thời hạn vay khi nào ông Ph cần đòi thì

trả. Tháng 01/2019 ông Ph có đến đòi nhưng chỉ yêu cầu trả gốc là 50.000.000đ để chi phí làm nhà sau đó tháng 8/2019 chị L đã trả ông Ph 50.000.000đ nay anh xác định còn nợ ông Ph tiền gốc là 160.000.000đ còn tiền lãi đã trả theo tháng đến hết tháng 5 năm 2019 mỗi tháng trả 4.200.000đ cụ thể không nhớ. Nay ông Ph yêu cầu anh chỉ đồng ý trả gốc 160.000.000đ và trả lãi của số tiền gốc chưa trả theo pháp luật và đề nghị trả làm nhiều lần còn ông Ph yêu cầu lãi 94.500.000đ anh không đồng ý.

Chị L vắng mặt tại phiên tòa bản tự khai, lời khai tại tòa án chị xác định có nợ như anh B trình bày nay yêu cầu chị đồng ý trả gốc 160.000.000đ còn lại không đồng ý trả.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa phát biểu; - Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa sơ thẩm đã đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật bị đơn không chấp hành quy định của Tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án: căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; - Điều 357; Điều 463; khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 18, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Văn B và chị Chu Thị L phải có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Cảnh Ph, bà Nguyễn Thị B số tiền 160.000.000 đồng gốc và 100.000.000đ lãi.

-Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Chu Thị L vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B, chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho anh B, chị L theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa là phù hợp với Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Theo ông Ph và anh B trình bày do gia đình ông Ph và gia đình anh B, chị L là hàng xóm cho nên ông Ph đã cho anh B vay tiền, khi vay hai bên thỏa thuận với nhau lãi 2%/tháng và hẹn khi nào cần báo trước một tháng trả đầy đủ. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa ông Ph đều yêu cầu anh B phải trả số tiền vay ngày 24/02/2017 (dương lịch). Từ đó đã có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc trường hợp vay không kỳ hạn và có lãi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, ông Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh B trả cho ông số tiền gốc 160.000.000 đồng đã vay. Tại tòa án cũng như tại phiên tòa ông Ph đã cung cấp cho Tòa án “Giấy biên nhận” đề ngày 24/2/2017 do anh B viết và ký với nội dung anh B vay của ông Ph 210.000.000đ ngày 24/02/2017 lãi xuất 2%/ tháng và hẹn khi nào ông Ph cần tiền báo trước một tháng sẽ thanh toán đầy đủ. Đến tháng 5/2019 chị L vợ anh B đã trả cho ông Ph 50.000.000đ và anh B cũng xác định việc anh vay ông Ph và đã thanh toán được 50.000.000đ nay còn nợ gốc là 160.000.000đ nhưng anh đề nghị trả làm nhiều lần. Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định anh B còn nợ ông Ph 160.000.000đ, ông Ph yêu cầu anh B trả là phù hợp với khoản 1 điều 466 Bộ luật dân sự cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông Ph đòi anh B phải trả lãi từ ngày 24/02/2017 cho đến nay thấy rằng việc ông Ph cho anh B vay theo thỏa thuận lãi xuất 2%/ tháng hai bên có viết giấy biên nhận anh B cũng thừa nhận, anh B xác định trả ông Ph 2%/ tháng cho đến tháng 05/2019 nhưng anh cũng không đưa ra được chứng cứ xác định mỗi tháng trả 4.2000.000đ cho ông Ph hơn nữa ông Ph lại không thừa nhận. Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định anh B chưa trả lãi cho ông Ph cho nên ông Ph yêu cầu anh B trả lãi từ khi vay ngày 24/02/2017 đến nay là có căn cứ cần được chấp nhận.

Xét ông Ph yêu cầu anh B trả lãi 100.000.000đ từ khi vay đến nay thấy rằng: Theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi xuất cho vay không vượt quá 20%/ năm tức không vượt quá 1,66666667 %/ tháng như vậy; từ ngày 24/02/2017 cho đến khi anh B trả ông Ph 50.000.000đ ngày 02/8/2019 là 2 năm 05 tháng 22 ngày và từ ngày 02/8/2019 cho đến ngày 05/12/2019 là 4 tháng; Như vậy theo quy định của pháp luật mức tối đa ông Ph cho vay lãi xuất được xác định cụ thể như sau: Lãi xuất 210.000.000đ x 20%/năm x 2 năm 05 tháng 22 ngày = 100.500.000đ, lãi xuất 160.000.000đ x 20%/năm x 4 tháng = 10.666.666đ tổng là 111.166.666đ mà ông Ph chỉ yêu cầu anh B trả lãi 100.000.000đ. Như vậy ông Ph yêu cầu anh B trả lãi từ ngày 24/02/2017 cho đến nay 100.000.000đ là thấp hơn mức cho vay tối đa và phù hợp với pháp luật cần chấp nhận.

Xét thấy anh B, chị L là vợ chồng đều thừa nhận vay tiền của ông Ph về để phát triển kinh tế gia đình cho nên anh B, chị L phải liên đới trả cho ông Ph là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông Ph được chấp nhận cho nên ông Ph không phải chịu án phí dân sự, Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp luật cũng như đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Ph là phù hợp cần chấp nhận

Từ lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; - Điều 357; Điều 463; khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự, Điều 18, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Cảnh Ph.

Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Chu Thị L liên đới có nghĩa vụ thanh toán trả ông Ngô Cảnh Ph, Bà Nguyễn Thị B số tiền là 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng).(Trong đó gốc 160.000.000đ và lãi là 100.000.000đ).

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Chu Thị L liên đới phải chịu 13.000.000 đ (Mười ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. ông Ngô Cảnh Ph. không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm tương ứng với số tiền và thời gian phải thi hành án. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- THADS huyện Hiệp Hòa;
- Đương sự
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Văn Vinh